TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CR
THÀNH PHỐ CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNST.
Ngày: 30/01/2023.
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân**.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.
Ông **Nguyễn Văn Mến**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT: Ông **Tô Minh Phú** – kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2022/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "***Ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXX-ST, ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HN ngày ngày 06 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trang Thị Bích V**, sinh năm: 1984.

HKTT: Số 11, ấp Phước T, xã Phước N, huyện Dương Minh C, tỉnh TN.

Địa chỉ liên lạc: Số 60/5B, Xuân Thới S 18, xã Xuân Thới S, huyện HM, thành phố HCM. (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Võ Văn T**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 19B, tổ 55, khu vực 11, phường Hưng P, quận CR, thành phố CT. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2022 và bản tự khai ngày 28/11/2022 nguyên đơn bà Trang Thị Bích V trình bày***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Võ Văn T quen biết nhau khi làm việc chung và sau thời gian tìm hiểu được khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước N, huyện Dương Minh C, tỉnh TN vào ngày 07/3/2007, hôn nhân tự nguyện. Chung sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và chồng bà không

lo làm ăn để chăm lo gia đình, vợ con nên từ đó tình cảm vợ chồng cũng dần dần phai nhạt, mặc dù bà đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chồng bà không có thiện chí muốn vợ chồng được đoàn tụ nên vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 8/2020 đến nay bà nhận thấy đã không còn tình cảm với ông Võ Văn T nên xin được ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là Võ Gia T (nam), sinh ngày 25/9/2007 và Võ Ngọc Minh H (nữ), sinh ngày 18/4/2013. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung và không đặt vấn đề cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Võ Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án và cũng không có gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét.

Do không thể tiến hành hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt.

* Phía bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt là cố tình nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời, phía nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Xét quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau năm vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2018, quyển số 01, ngày 07/3/2007 tại UBND xã Phước N, huyện Dương Minh C, tỉnh TN nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn không đến và cũng không có gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó cho thấy bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cở sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét *yêu cầu của nguyên đơn về con chung*: Nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Võ Gia T (nam), sinh ngày 25/9/2007 và Võ Ngọc Minh H (nữ), sinh ngày 18/4/2013, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Xét thấy, bà V có đủ điều kiện nuôi con chung và hiện cháu T, cháu H cũng đang chung sống với bà V, đồng thời cháu T, cháu H cũng có nguyện vọng được chung sống với bà V nên để không thay đổi môi trường sống của cháu T, cháu H. Vì vậy, cần phải giao cháu T và cháu H cho nguyên đơn được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0008752 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

<u>Căn cứ vào</u>:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, điều 53, điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trang Thị Bích V được ly hôn với ông Võ Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Võ Gia T (nam), sinh ngày 25/9/2007 và cháu Võ Ngọc Minh H (nữ), sinh ngày 18/4/2013 cho bà Trang Thị Bích V được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T, cháu H đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Văn T, không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

4. *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

5. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0008752 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Huỳnh Thị Kim Xuân